

Bản án số: 348/2022/DS-PT
Ngày: 30-11-2022
V/v “Tranh chấp
hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Uẩn

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2022/TLPT-DS ngày 25/10/2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DSST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 426/2022/QĐ-PT ngày 02/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị L**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975.

- Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, Long An.

Người kháng cáo: **Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H.**

(Tất cả đều có mặt)

NHẬN THẤY:

Nguyên đơn, bà Trần Thị L trình bày:

Nội dung như sau: Vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bé H có tham gia các dây hội do bà L làm chủ hội, hiện còn 05 dây hội chưa mãn, bà H đã lãnh hội nhưng không tiếp tục đóng hội. Trước đây bà L đã khởi kiện các kỳ hội mà bị đơn thiếu tính đến thời điểm khởi kiện. Nay bà L tiếp tục yêu cầu vợ chồng bà H, ông N trả các kỳ hội còn thiếu tiếp theo, với tổng số tiền là 42.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Dây hội mở ngày 25/03/2011 âm lịch, mãn hội tháng 6/2022: Hội có 24 phần, 3.000.000 đồng/phần, khai vào tháng 3, tháng 6 hàng năm, bà H tham gia 01 phần đã lãnh hội và đóng đến tháng 3/2019 thì ngưng, bà đã khởi kiện yêu cầu trả tiền hội của các kỳ hội năm 2020. Nay bị đơn tiếp tục không đóng hội kỳ tháng 6/2021 và kỳ tháng 3/2022 âm lịch, nên bà yêu cầu trả số tiền là 3.000.000 đồng x 2 kỳ = 6.000.000 đồng.

2. Dây hội mở ngày 25/6/2014 âm lịch, mãn hội là tháng 6/2023 (trước do nhầm lẫn nên bà trình bày mãn hội là 6/2024: Hội có 19 phần, 5.000.000 đồng/phần, khai vào tháng 3, tháng 6 hàng năm, bà H tham gia 01 phần, đã hót hội ngày 25/6/2016, đã đóng đến 3/2019 thì ngưng. Bà đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các kỳ hội thiếu. Nay bị đơn tiếp tục không đóng hội kỳ tháng 6/2021 và kỳ tháng 03/2022 âm lịch, số tiền thiếu của 02 kỳ là 10.000.000 đồng.

3. Dây hội mở ngày 25/02/2015 âm lịch, mãn hội ngày 25/6/2022: Hội có 16 phần, 3.000.000 đồng/phần; mỗi năm khai 02 lần vào tháng 3 và tháng 6 hàng năm, bà H tham gia 01 phần và đã hót hội ngày 25/02/2017, đã đóng đến hết năm 2018. Bà đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả các kỳ hội thiếu năm 2020. Nay bị đơn tiếp tục không đóng kỳ hội tháng 6/2021 và kỳ tháng 03/2022 âm lịch số tiền là 6.000.000 đồng.

4. Dây hội mở ngày 25/02/2015 âm lịch, mãn hội ngày 25/02/2025: Có 21 phần, 5.000.000 đồng/phần; mỗi năm khai 02 lần vào tháng 3 và tháng 6 hàng năm, bà H tham gia 02 phần trong đó đã hót hội 01 phần vào ngày 25/6/2018 còn một phần chưa hót (phần hội bà H chưa hót đã được Tòa án giải quyết buộc bà có trách nhiệm trả lại tiền hội cho bà H). Đối với phần hội vợ chồng bà H đã hót sau đó không đóng hội chết, trước đây bà đã khởi kiện các kỳ hội đến hạn. Nay bị đơn tiếp tục không đóng kỳ hội tháng 6/2021 và kỳ tháng 03/2022 âm lịch số tiền 10.000.000 đồng.

5. Dây hội mở ngày 25/02/2015 âm lịch, mãn hội ngày 25/6/2024: Hội có 20 phần, 5.000.000 đồng/phần, mỗi năm khai 02 lần vào tháng 3 và tháng 6 hàng năm, bà H tham gia 02 phần, đã hót 01 phần ngày 25/6/2018, còn một phần chưa hót (phần hội chưa hót đã được Tòa án giải quyết bằng bản án buộc bà có trách nhiệm trả cho bà H). Đối với phần hội đã hót, tính đến thời điểm khởi kiện thì bị đơn chưa đóng kỳ hội tháng 6/2021 và tháng 03/2022 âm lịch, số tiền là 10.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bị đơn chưa đóng hội kỳ tháng 6/2021 và kỳ tháng 03/2022 âm lịch của 05 dây hội là 42.000.000 đồng, yêu cầu bà H và ông N liên đới trả số tiền trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn N trình bày:

Trước đây bà L đã khởi kiện vợ chồng ông bà trả tiền nợ hội trong các dây hội nêu trên. Việc tham gia hội, thời gian đóng hội và hốt hội như ông bà đã trình bày trong Bản án số 08/2021/DSST của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường. Các dây hội trên đã giải quyết theo bản án trước đây, mặt khác bà L cũng nợ ông bà 140.000.000 đồng tiền hội, các bên đã thỏa thuận cần trừ tại cơ quan thi hành án xong nên không đồng ý trả như yêu cầu của bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã xử:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 282, 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn N về tranh chấp hợp đồng góp hội.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn N phải liên đới nộp 2.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 525.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000646 ngày 07/4/2022 và số tiền 525.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000683 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/7/2022, bà Nguyễn Thị Bé H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền nợ 42.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về thủ tục: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định tố tụng. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé H trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền 42.000.000 đồng tiền nợ hụi chưa đóng của các kỳ tháng 6/2021 và tháng 03/2022 âm lịch là có cơ sở. Bà Bé H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả hết số tiền nợ hụi còn thiếu cho bà Trần Thị L nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé H trong hạn luật định, đúng thủ tục nên được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị Bé H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé H: Trước đây bà L đã khởi kiện vợ chồng ông N và bà Bé H trả tiền nợ hụi trong các dây hụi nêu trên. Việc tham gia hụi, thời gian đóng hụi và hốt hụi ông N và bà H đã trình bày trong Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường là đúng. Các dây hụi trên đã giải quyết theo bản án trước, trong đó bà L cũng nợ ông N và bà Bé H 140.000.000 đồng tiền hụi, các bên đã thỏa thuận cần trừ tại cơ quan thi hành án xong nên không đồng ý trả như yêu cầu của bà L.

[4] Xét Bản án số 08/2021/DS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thì bà Bé H, ông N thừa nhận có tham gia các dây hụi với nội dung các dây hụi như nguyên đơn trình bày, thừa nhận đã lãnh hụi sau đó ngưng không đóng tiếp. Do đó có căn cứ xác định bị đơn có tham gia dây hụi do nguyên đơn làm chủ hụi mở các ngày âm lịch: hụi mở ngày 25/3/2011 (mãn hụi tháng 6/2022); hụi mở ngày 25/6/2014 (mãn hụi tháng 6/2023); hụi mở ngày 25/02/2015 (mãn hụi tháng 6/2022); hụi mở ngày 25/02/2015 (mãn hụi tháng 2/2025); hụi mở ngày 25/02/2015 (mãn hụi tháng 6/2024). Tại Bản án số 08/2021/DS-ST thì nguyên đơn yêu cầu trả tiền nợ của các kỳ hụi đến hạn tính đến thời điểm khởi kiện là các kỳ hụi đến thời điểm khởi kiện, bị đơn ông N và bà Bé H cũng chỉ đồng ý trả tiền nợ của các kỳ hụi đến hạn, không đồng ý trả trước các kỳ hụi chưa đến hạn. Nay nguyên đơn tiếp tục khởi kiện tiền hụi của các kỳ

tiếp theo đã đến hạn mà bị đơn chưa đóng là kỳ tháng 6/2021 và kỳ tháng 03/2022 của các dây hụi trên. Cấp sơ thẩm buộc ông N và bà Bé H phải trả tiếp các kỳ hụi còn thiếu của các dây hụi trên của kỳ tháng 6/2021 và kỳ tháng 03/2022 với tổng số tiền là 42.000.000 đồng là có cơ sở.

[5] Bị đơn cho rằng số tiền nợ hụi đã cản trừ tại cơ quan thi hành án nên không còn nợ bà L, xét thấy bị đơn cung cấp Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án lập ngày 14/5/2021 có nội dung các bên thỏa thuận cản trừ tiền nợ giữa hai bên theo các quyết định thi hành án của các bản án trước đây, không có nội dung nào thể hiện cản trừ tiền nợ hụi của các kỳ hụi trong các dây hụi mà nguyên đơn đang khởi kiện do đó phần trình bày của ông N, bà H không có căn cứ xem xét.

[6] Bà Nguyễn Thị Bé H kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm, nhưng ngoài lời trình bày cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã đóng xong các khoản hụi chết như đã trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo của bà Bé H. Cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé H kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 282, 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phùng.

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn N về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn N phải liên đới nộp 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000646 ngày 07/4/2022 và số tiền 525.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000683 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000738 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường. Bà Nguyễn Thị Bé H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật thi hành./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Lưu Văn Uẩn